

Bản án số: **944/2018/KDTM-PT**

Ngày 18/10/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ân

Ông Lê Công Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018, ngày 11 tháng 10 năm 2018 và ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/KDTMPT ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng góp vốn*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 10 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4094/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4521/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt ngày 01/10/2018, có mặt ngày 11/10/2018, có đơn vắng mặt ngày 18/10/2018)

Địa chỉ: 162 C, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư T của Văn phòng luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M

Địa chỉ: H4C M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông T - Tổng giám đốc, trú tại 99 L, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T

Địa chỉ: T, xã P, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà T- Giám đốc, trú tại 494 C, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt ngày 01/10/2018, có mặt ngày 11/10/2018, vắng mặt ngày 18/10/2018)

Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa, nguyên đơn là bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư T trình bày là vào năm 2008 vợ chồng ông T, bà T rủ bà H hùn tiền để khai thác kinh doanh đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông T có đưa cho bà H xem giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho Công ty Fico năm 2005, bà H đồng ý hùn vốn với số tiền 11.000.000.000 đồng. Vào thời điểm này, bà H chỉ có 2.000.000.000 đồng nên ông T có đề nghị cho bà Hồng vay thêm 9.000.000.000 đồng để góp vào công ty cho đủ số 11.000.000.000 đồng. Bà H đã giao cho ông T đủ số tiền 2.000.000.000 đồng để hùn vốn. Số tiền 9.000.000.000 đồng còn lại bà H có viết giấy vay tiền của ông T. Ông T đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M (gọi tắt là Công ty M) có viết cho bà H 01 Giấy chứng nhận góp vốn ngày 28/02/2011 là 11.000.000.000 đồng trong việc khai thác đá nêu trên. Sau đó phần vốn góp này của bà H, Công ty M chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T (gọi tắt là Công ty T) để khai thác mỏ đá nêu trên. Ngày 01/8/2010, bà T với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty T đã ký giấy chứng nhận việc bà H tham gia góp số vốn 11.000.000.000 đồng để đầu tư xây dựng, khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi tiếp nhận vốn góp của bà H, Công ty M và Công ty T không làm thủ tục đăng ký việc tăng hoặc giảm vốn tại cơ quan đăng ký kinh doanh để xác nhận số vốn này của bà Hồng trong giấy phép kinh doanh của công ty.

Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T giải trình rõ ràng cho các cổ đông góp vốn biết chi tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh của mỏ đá nhưng ông T, bà T không thực hiện, có dấu hiệu lừa dối, chiếm dụng vốn. Ông T, bà T không rõ ràng trong sử dụng vốn góp, gian dối, chiếm dụng vốn đầu tư của bà H thông qua việc ký kết nhiều hợp đồng, giấy tờ văn bản khác nhau. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng góp vốn kinh doanh, yêu cầu Công ty M và Công ty T liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H số tiền góp vốn là 11.000.000.000 đồng.

Bị đơn là Công ty M có ông T làm đại diện theo pháp luật trình bày là Công ty M có ký hợp đồng với Công ty Toàn Thắng để đầu tư khai thác mỏ đá núi Ông Trịnh, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Để thực hiện dự án, Công ty M có kêu gọi một số cổ đông hùn vốn để đầu tư trên cơ sở lời ăn, lỗ chịu. Hiện nay, công ty vẫn đang sản xuất khai thác đá bình thường. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, Công ty M không chấp nhận, vì tinh thần góp vốn là hợp tác lời ăn, lỗ chịu. Nếu, bà H muốn sang nhượng lại phần hùn góp vốn thì Công ty M sẽ hỗ trợ sang tên, cấp chứng nhận phần hùn cho người được sang nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T có bà T làm đại diện theo pháp luật trình bày là Công ty T được thành lập với sự thống nhất của các thành viên tham gia góp vốn từ Công ty M, chuyển phần góp vốn từ Công ty M để tiếp tục đầu tư khai thác mỏ đá núi Ông Trịnh, xã Phước Hòa, huyện Tân

Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ngày 01/8/2010, ông Thọ bàn giao cho Công ty T phần vốn góp 11.000.000.000 đồng của bà H. Công ty T xác nhận có nhận số vốn góp nêu trên của bà H từ Công ty M, bà T đã làm giấy chứng nhận góp vốn cho bà H, việc hùn vốn trên cơ sở lời ăn, lỗ chịu.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M có ông LTT đề nghị hoãn phiên tòa vì ông đang có khiếu nại chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về yêu cầu xem xét Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 của ông T đối với bà H, đó là tranh chấp số tiền 9.000.000.000 đồng mà ông T cho bà H vay nên yêu cầu Hội đồng xét xử triệu tập thêm ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn nêu trên.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T có ông NNL trình bày là Công ty T có làm giấy chứng nhận góp vốn cho bà H là 11.000.000.000 đồng, nhưng thực chất Công ty M không chuyển cho Công ty T số vốn góp này và Công ty T cũng không họp Hội đồng thành viên để xác nhận số vốn 11.000.000.000 đồng này của bà H góp vào Công ty T. Do đó, Công ty T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty M và Công ty T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền góp vốn là 11.000.000.000 đồng.

Chấm dứt việc góp vốn đầu tư, khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty M và bà H.

Chấm dứt việc góp vốn đầu tư, khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty T và bà H.

Hủy bỏ Giấy chứng nhận góp vốn ngày 28/02/2011 giữa Công ty M và bà H (về việc góp vốn đầu tư khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Hủy bỏ Giấy chứng nhận góp vốn ngày 01/8/2010 giữa Công ty T và bà H (về việc góp vốn đầu tư khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng còn phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 119.000.000 đồng Công ty M và Công ty T chịu.

Bà H không phải chịu án phí, hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 04357 ngày 20/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Công ty M đã có yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Công ty T đã có yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án do Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không kháng cáo, đề nghị y án sơ thẩm.

- Bị đơn là Công ty M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì bị đơn đang khiếu nại mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về yêu cầu xem xét Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 của ông T đối với bà H, đó là tranh chấp số tiền 9.000.000.000 đồng mà ông T cho bà H vay, nên yêu cầu Hội đồng xét xử triệu tập thêm ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn nêu trên. Ngoài ra, bị đơn không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào so với giai đoạn sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T đã có yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án do Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp 2005, cụ thể trước đây đại diện theo pháp luật Công ty T là bà T xác nhận là Công ty T có nhận số vốn góp nêu trên của bà H từ Công ty M nay đại diện theo ủy quyền của Công ty T xác định lại là Công ty T có làm giấy chứng nhận góp vốn cho bà H là 11.000.000.000 đồng, nhưng thực chất Công ty M không chuyển cho Công ty T số vốn góp này và Công ty T cũng không họp Hội đồng thành viên để xác nhận số vốn 11.000.000.000 đồng này của bà H góp vào Công ty T. Do đó, Công ty T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Để xác định Công ty T hoạt động kinh doanh có lời, lỗ không thì yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho tiến hành kiểm toán, Công ty T sẽ tạm ứng chi phí kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán do Tòa án cấp phúc thẩm chọn. Ngoài ra, Công ty T không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào so với giai đoạn sơ thẩm.

- Ý kiến của bị đơn là thống nhất với yêu cầu của Công ty T là cho tiến hành kiểm toán hoạt động kinh doanh có lời, lỗ của Công ty T. Doanh nghiệp kiểm toán do Tòa án cấp phúc thẩm chọn.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc có kiểm toán theo yêu cầu của Công ty T hay không là do quyền quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có ý kiến.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố:

+ Trên cơ sở yêu cầu của Công ty T về việc kiểm toán, Thẩm phán đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 3802/2018/QĐ-TCGD ngày 06/7/2018 trưng cầu Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam.

+ Ngày 05/9/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được Văn bản số 332/2018/CV.PN của Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam về việc Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam không thể thực hiện trưng cầu giám định được do Công ty T không phản hồi về Thư báo phí dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp chứng cứ mới nào cho việc kháng cáo; đồng thời Công ty T có yêu cầu kiểm toán nhưng Công ty T không phản hồi về Thư báo phí dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam nên Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam có văn bản gửi Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xác định Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam không thể thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định của Tòa án do Công ty T không ký hợp đồng kiểm toán. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và Công ty T. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như sau:

[1]- *Về thủ tục tố tụng*: Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2]- *Về nội dung*:

Do vốn điều lệ của Công ty Quang Minh, Công ty T từ lúc thành lập cho đến nay không thay đổi, nghĩa là hai công ty nêu trên không tăng vốn điều lệ cũng như đại diện theo pháp luật của hai công ty nêu trên thừa nhận bà Hồng góp vốn vào công ty để kinh doanh lời ăn, lỗ chịu, nên tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- *Kháng cáo của bị đơn*: Bị đơn là Công ty M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể bị đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì bị đơn đang khiếu nại mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về yêu cầu xem xét Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 của ông Thọ đối với bà H, đó là tranh chấp số tiền 9.000.000.000 đồng mà ông T cho bà Hồng vay thì vấn đề này không có cơ sở chấp nhận do yêu cầu giải quyết khoản tiền nêu trên cho ông T vào ngày 07/9/2017 nhưng trước đó Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 28/8/2017, nên yêu cầu này của ông T Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định tại khoản 4 Điều 96 và khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác theo quy định tại Điểm c Điểm d Khoản 2 Điều 500 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì người khiếu nại không được lạm dụng quyền khiếu nại để cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án. Việc khiếu nại của bị đơn nhằm mục đích kéo dài thời gian giải quyết vụ án là không chấp nhận. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào so với giai đoạn sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- *Kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp 2005, cụ thể Công ty T xác định lại là Công ty T có làm giấy chứng nhận góp vốn cho bà H là

11.000.000.000 đồng, nhưng thực chất Công ty M không chuyển cho Công ty T số vốn góp này là không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do bà T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã ký Giấy chứng nhận góp vốn ngày 01/8/2010 cho nguyên đơn, trong khi đó Công ty T không có chứng cứ nào mới, khác để chứng minh cho việc thực sự không chuyển tiền cho Công ty T. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T yêu cầu trưng cầu kiểm toán để biết hoạt động kinh doanh lỗ, lãi hay không, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và ra Quyết định trưng cầu giám định số 3802/2018/QĐ-TCGD ngày 06/7/2018 nhưng Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam thông báo cho Tòa án cấp phúc thẩm biết là Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam không thể thực hiện trưng cầu giám định được do Công ty T không phản hồi về Thư báo phí dịch vụ kiểm toán, nghĩa là việc kiểm toán không được là do lỗi của Công ty T. Về chứng cứ, Công ty T không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào so với giai đoạn sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu kiểm toán nhưng Công ty T không thực hiện, nghĩa là Công ty T từ chối việc cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty T.

- Như trên đã phân tích, nguyên đơn góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thể hiện qua Quyết định hội đồng thành viên ngày 28/02/2011 (Giấy chứng nhận góp vốn ngày 28/02/2011) và Giấy chứng nhận góp vốn ngày 01/8/2010 nhưng bị đơn và Công ty T đã vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng, gây thiệt hại cho nguyên đơn làm cho nguyên đơn không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt việc góp vốn đầu tư, kinh doanh, khai thác và yêu cầu bị đơn và Công ty T liên đới chịu trách nhiệm thanh toán ngay cho nguyên đơn 11.000.000.000 đồng là có căn cứ đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 312 của Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 10.

Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

[3]- Về án phí:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như bản án sơ thẩm.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty M và Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 4 Điều 312, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T. Y án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền góp vốn là 11.000.000.000 (*Mười một tỷ*) đồng.

Chấm dứt việc góp vốn đầu tư, khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và bà H.

Chấm dứt việc góp vốn đầu tư, khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T và bà H.

Hủy bỏ Quyết định hội đồng thành viên ngày 28/02/2011 giữa Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và bà H về việc góp vốn đầu tư khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hủy bỏ Giấy chứng nhận góp vốn ngày 01/8/2010 giữa Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T và bà H về việc góp vốn đầu tư khai thác mỏ đá tại núi Ông Trịnh xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thực hiện việc thanh toán nợ thì hàng tháng còn phải thanh toán cho bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/- Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M và Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T liên đới chịu án phí sơ thẩm là 119.000.000 (*Một trăm mười chín triệu*) đồng.

+ Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.500.000 đồng theo Biên lai thu số 04357 ngày 20/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

+ Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản Công nghệ và Du lịch M phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 01838 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Công ty TNHH Thương mại Khoáng sản T phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 1836 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 10;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng